

Vũng Tàu, ngày 08 tháng 01 năm 2021

Số: 11/2021/QĐST-VHNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và Gia đình thụ lý số:1145/TLST VHNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Trần Thanh H, sinh năm 1982

Chị Chu Thị H1, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Số...đường B, phường T, thành phố A, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ngày 11-12-2020, Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu thụ lý việc Hôn nhân và gia đình số 1145/2020/TLST-VHNGĐ về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Thanh H và chị Chu Thị H1. Anh H và chị H1 yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự với những nội dung cụ thể:

Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn;

Về con chung: Anh Trần Thanh H và chị Chu Thị H1 có hai con chung tên là Trần Minh K, sinh ngày 21-4-2005 và Trần Thanh Anh T, sinh ngày 14-8-2006; anh H và chị H1 thống nhất, chị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Minh K, anh H cấp dưỡng cho Minh K mỗi tháng 4.000.000đồng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T, chị H1 không cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về lệ phí Tòa án: Mỗi người chịu 150.000đ(Một trăm năm mươi ngàn đồng).

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1.Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Thanh H và chị Chu Thị H1 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Anh Trần Thanh H và chị Chu Thị H1 có hai con chung tên là Trần Minh K, sinh ngày 21-4-2005 và Trần Thanh Anh T, sinh ngày 14-8-2006.Theo thỏa thuận chị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Minh K, anh H cấp dưỡng nuôi cháu K mỗi tháng 4.000.000đồng cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Trần Thanh H là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thanh Anh T, chị H1 không pH cấp dưỡng nuôi cháu T.

Sau khi ly hôn, anh H và chị H1 đều có nghĩa vụ trông nom,chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh H và chị H1 có quyền thăm nom con , không ai được cản trở.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

1.3.Về tài sản chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung : Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án:Anh Trần Thanh H và chị Chu Thị H1 mỗi người pH chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân sơ thẩm. Khấu trừ số tiền anh H đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007470 và chị H1 đã nộp tạm ứng 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 000 7471cùng ngày10-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu. Anh H, chị H1 đã nộp xong lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSNDTp.Vũng Tàu;
- Chi cục THA DS Tp.Vũng Tàu;
- UBND Phường T, thành phố A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Thị Cúc

